



Thứ ba, ngày 17 tháng 4 năm 2018

Vietnam Daily Review

Đáy ngắn hạn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/4/2018		•	
Tuần 16/4-20/4/2018		•	
Tháng 4/2018		•	

Điểm nhấn

- Áp lực bán giảm về cuối phiên và chỉ số tăng nhẹ trở lại
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BID (+2.39 điểm), VCB (+1.46 điểm), VIC (+1.26 điểm), CTG (+1.1 điểm), BVH (+0.9 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-2.94 điểm), PLX (-1.28 điểm), VRE (-0.49 điểm), NVL (-0.48 điểm), VJC (-0.3 điểm)
- Thanh khoản giảm cùng áp lực bán giảm. Đây có thể là đáy ngắn hạn
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 4,191.7 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 17.37 điểm. Thị trường có 161 mã tăng và 117 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 4.79 điểm, đóng cửa tại 1,153.28 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index tăng 0.94 điểm lên 134.25 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 277.21 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (-80.43 tỷ), HPG (-32.02 tỷ), GTN (-5.41 tỷ). Ở hướng ngược lại, họ mua ròng 21.7 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Tâm lý e ngại trước những diễn biến vĩ mô thế giới của nhà đầu tư đã khiến thị trường không giữ được sắc xanh đầu phiên và quay đầu giảm điểm. Tuy nhiên, sự phục hồi của các cổ phiếu nhóm Ngân hàng và Chứng khoán đã giúp cho các chỉ số hồi phục. Nhóm VN30 tiếp tục phân hóa mạnh với số lượng các cổ phiếu tăng và giảm điểm là khá cân bằng. Đặc biệt, nhóm Thủy sản đang thu hút khá lớn dòng tiền của nhà đầu tư và bật tăng mạnh mẽ. BSC nhận định thị trường đang có những chuyển biến tích cực hơn khi lực bán đang dần suy yếu. Nhà đầu tư nên chờ đợi dòng tiền quay trở lại thị trường do thanh khoản hiện tại vẫn còn khá thấp, chưa cho thấy sự hồi phục bền vững.

Phân tích kỹ thuật: VHC _ Nữ Hoàng Cá Tra

Cắt lỗ PLX hiệu suất 10% tại giá 75

Thêm VHC vào danh mục cơ bản

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1153.28**
Giá trị: 4191.78 tỷ **4.79 (0.42%)**
Khối ngoại (ròng): -277.21 tỷ

HNX-INDEX **134.25**
Giá trị: 689.72 tỷ **0.94 (0.71%)**
Khối ngoại (ròng): 21.7 tỷ

UPCOM-INDEX **59.33**
Giá trị: 216.69 tỷ **0.3 (0.51%)**
Khối ngoại(ròng): 21.42 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	66.2	-0.08%
Giá vàng	1,343	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	22,739	-0.18%
Tỷ giá EUR/VND	28,124	0.25%
Tỷ giá JPY/VND	21,265	0.06%
LS liên NH 1 tháng	2.0%	-
LS TPCP 5 năm	3.2%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DXG	24.24	VNM	88.80
GAS	22.80	VIC	80.43
AST	16.70	HPG	32.00
DHG	15.30	VJC	31.40
LDG	10.30	MSN	30.50

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Tổng quan

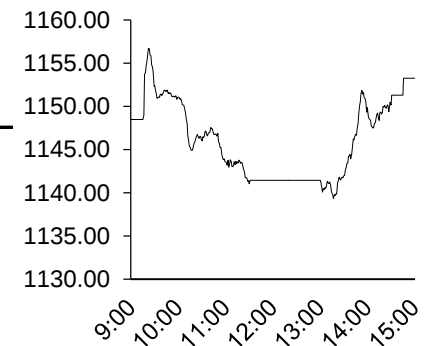
Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

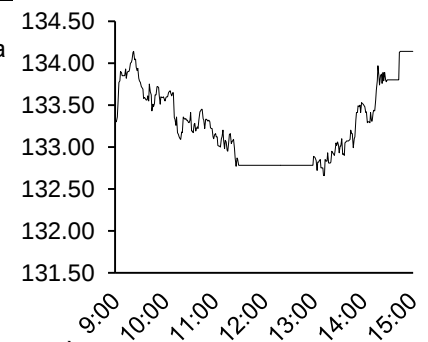
Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC
Research



Nguồn: Bloomberg, BSC
Research

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VHC	3.1	75.0	67	78	MUA	Tăng giá kéo dài
VIC	13.2	130.0	121	137	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
HPG	8.9	59.7	58	64	NGỪNG MUA	Giảm giá trung hạn
SHB	7.1	13.3	13	14	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
ACB	6.7	49.5	45	52	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
MBB	6.5	34.5	34	37	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
NVL	6.6	70.9	70	79	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
SBT	6.2	18.7	17	19	MUA	Tăng giá ngắn hạn
VCB	6.1	67.0	26	75	NGỪNG BÁN	Giảm giá trung hạn
CTG	5.6	34.8	34	38	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn

Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

Mã cổ phiếu: VHC _ Nữ Hoàng Cá Tra

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá dài hạn
- Chỉ báo MACD: Bám sát đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Đi ngang

Nhận định: Trước khi hình thành xu hướng tăng giá hiện tại, cổ phiếu VHC đã trải qua một giai đoạn biến động mạnh ở vùng giá 43 – 60 từ khoảng đầu tháng 7/2016 tới khoảng cuối tháng 3/2018. Sau khi vượt ngưỡng kháng cự 60, VHC đã chính thức bắt đầu xu hướng tăng hiện tại. Đóng cửa phiên giao dịch hôm nay, VHC đã tăng vượt đỉnh cũ 74 với giá trị thanh khoản cao. Mô hình nền tuần kết hợp với các tín hiệu tích cực từ chỉ báo kỹ thuật MACD, RSI tuần củng cố xu hướng tăng giá dài hạn của VHC. Tuy nhiên, các chỉ báo MACD và RSI ngày cho thấy khả năng cổ phiếu sẽ rung lắc nhẹ trong ngắn hạn. Kỳ vọng cổ phiếu VCH sẽ tiếp tục xu hướng tăng giá dài hạn

Khuyến nghị: Giá mua: 73 – 75. Giá mục tiêu: 88. Cut loss: mất ngưỡng hỗ trợ 67

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1804	1133.5	0.8%	12.3%
VN30F1805	1135.0	0.5%	23.7%
VN30F1806	1139.0	0.3%	13.3%
VN30F1809	1154.9	0.8%	45.2%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MBB	35	2.7	1.8
VIC	130	1.0	1.6
STB	16	1.9	1.0
VCB	67	1.7	0.8
FPT	62	1.5	0.8

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
PLX	74	-3.5	-0.6
BMP	66	-3.2	-0.2
VNM	185	-2.9	-2.7
NVL	71	-2.7	-1.0
KDC	40	-1.5	-0.1



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	KDH	04/04/2018	39.10	42.00	7.4%	37.0	43.0
2	GTN	05/04/2018	11.60	11.05	-4.7%	10.9	14.0
3	MWG	12/4/2018	100.50	105.20	4.7%	95.0	115.0
Trung bình					2.5%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	34.50	150.0%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	59.70	134.4%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	81.50	94.5%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	37.4	41.50	11.1%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	39.10	6.4%	30.0	50.0
Trung bình					79.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	20.1	81.1%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	34.1	14.8%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	49.5	19.3%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	74.0	-10.8%	75.0	114.0
5	VGC	06/04/2018	25.2	23.4	-7.1%	23.2	32.5
Trung bình					19.4%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	105.2	-0.8%	0.6	1,496	1.1	7,166	14.7	5.6	49.0%	45.3%
PNJ	Bán lẻ	181.5	-1.7%	0.8	864	2.0	6,727	27.0	6.7	49.0%	32.6%
BVH	Bảo hiểm	107.0	3.5%	1.5	3,208	1.3	2,246	47.6	5.2	25.3%	10.7%
PVI	Bảo hiểm	38.4	0.0%	0.6	388	0.2	2,114	18.2	1.3	43.9%	7.1%
VIC	Bất động sản	130.0	1.0%	1.3	15,106	13.2	2,460	52.8	10.1	10.6%	16.1%
VRE	Bất động sản	50.0	-1.4%	1.1	4,187	2.7	791	63.2	3.6	33.0%	5.7%
NVL	Bất động sản	70.9	-2.7%	0.6	2,670	6.6	2,534	28.0	4.6	4.0%	18.7%
REE	Bất động sản	38.1	1.6%	1.0	520	1.1	4,442	8.6	1.5	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	36.3	5.5%	1.2	484	5.3	3,040	11.9	2.9	41.8%	21.3%
SSI	Chứng khoán	42.0	1.4%	1.3	925	4.5	2,371	17.7	2.5	54.1%	14.2%
VCI	Chứng khoán	109.2	1.3%	0.8	577	1.0	5,790	18.9	4.3	39.5%	30.5%
HCM	Chứng khoán	81.5	0.6%	1.1	465	1.8	4,280	19.0	3.8	58.5%	21.4%
FPT	Công nghệ	62.0	1.5%	0.8	1,457	3.0	5,532	11.2	2.9	48.8%	28.0%
FOX	Công nghệ	89.0	-3.8%	0.1	591	0.0	5,180	17.2	4.4	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	128.0	0.5%	1.5	10,792	3.6	4,991	25.6	5.9	3.5%	24.0%
PLX	Dầu khí	74.0	-3.5%	1.4	3,778	2.3	3,013	24.6	4.2	12.1%	17.1%
PVS	Dầu khí	21.6	-1.4%	1.7	425	2.3	1,792	12.1	0.9	17.1%	7.6%
PVD	Dầu khí	18.8	-3.8%	1.6	316	0.9	0	185.3	0.5	25.3%	0.3%
DHG	Dược	112.9	-0.3%	0.4	650	1.1	4,367	25.9	5.4	46.6%	20.5%
TRA	Dược	94.4	-1.5%	0.0	172	0.0	5,811	16.2	3.8	48.6%	24.6%
DPM	Hóa chất	20.5	-1.0%	0.9	353	0.5	1,532	13.4	1.0	22.5%	8.7%
DCM	Hóa chất	12.7	0.4%	0.5	296	0.1	1,075	11.8	1.1	4.1%	9.5%
VCB	Ngân hàng	67.0	1.7%	1.5	10,619	6.1	2,527	26.5	4.6	20.5%	18.1%
BID	Ngân hàng	41.9	4.8%	1.3	6,310	4.5	1,985	21.1	3.1	2.7%	15.3%
CTG	Ngân hàng	34.8	2.4%	1.5	5,708	5.6	1,996	17.4	2.0	30.0%	12.0%
VPB	Ngân hàng	65.1	1.9%	0.8	4,294	5.1	4,564	14.3	3.3	23.5%	26.9%
MBB	Ngân hàng	34.5	2.7%	1.1	2,759	6.5	1,955	17.6	2.2	20.0%	13.2%
ACB	Ngân hàng	49.5	1.9%	0.9	2,365	6.7	1,953	25.3	3.3	30.0%	14.1%
BMP	Nhựa	66.4	-3.2%	0.9	239	1.0	5,676	11.7	2.2	71.9%	19.6%
NTP	Nhựa	57.6	1.9%	0.5	226	0.0	5,519	10.4	2.5	23.2%	25.1%
MSR	Tài nguyên	29.4	5.0%	1.5	932	0.1	286	102.8	1.8	2.1%	1.0%
HPG	Thép	59.7	-0.7%	0.8	3,989	8.9	5,540	10.8	2.8	39.9%	30.8%
HSG	Thép	19.9	4.7%	1.0	307	1.4	3,523	5.6	1.4	26.3%	28.8%
VNM	Tiêu dùng	184.5	-2.9%	0.7	11,796	9.9	6,356	29.0	11.5	59.5%	40.5%
SAB	Tiêu dùng	229.0	-0.2%	0.8	6,469	0.2	7,249	31.6	11.0	9.7%	38.3%
MSN	Tiêu dùng	104.0	-0.3%	1.1	4,799	3.0	2,877	36.1	7.3	32.4%	20.6%
SBT	Tiêu dùng	18.7	3.6%	1.0	458	6.2	1,245	15.0	1.5	7.5%	7.6%
ACV	Vận tải	92.9	-0.9%	0.8	8,910	0.2	1,883	49.3	7.4	3.5%	15.9%
VJC	Vận tải	210.0	-0.8%	0.8	4,175	4.5	6,233	33.7	19.5	25.9%	68.7%
HAV	Vận tải	46.2	0.4%	1.8	2,498	1.0	1,931	23.9	3.4	8.9%	14.6%
GMD	Vận tải	29.2	-0.2%	0.8	371	0.8	1,922	15.2	1.3	20.4%	8.1%
PVT	Vận tải	20.1	0.5%	1.1	249	0.3	1,599	12.6	1.5	33.7%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	116.8	-2.7%	0.9	823	0.7	6,830	17.1	7.8	1.3%	58.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.4	0.0%	1.1	462	1.1	1,697	13.8	1.6	34.5%	11.8%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	0.0%	0.8	234	0.1	1,277	10.9	1.0	6.5%	9.4%
CTD	Xây dựng	151.2	0.8%	0.2	521	1.2	20,436	7.4	1.6	42.7%	23.2%
VCG	Xây dựng	21.1	1.4%	1.7	411	1.0	3,037	6.9	1.4	9.4%	21.5%
CII	Xây dựng	32.4	0.0%	0.6	351	0.4	6,032	5.4	1.6	67.1%	35.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	41.90	4.75	2.39	2.52MLN
VCB	67.00	1.67	1.46	2.10MLN
VIC	130.00	1.01	1.26	2.30MLN
CTG	34.80	2.35	1.10	3.72MLN
BVH	107.00	3.48	0.90	286490.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	184.50	-2.89	-2.94	1.22MLN
PLX	74.00	-3.52	-1.29	692890.00
VRE	50.00	-1.38	-0.49	1.23MLN
NVL	70.90	-2.74	-0.48	2.10MLN
VJC	210.00	-0.85	-0.30	484220.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHC	75.00	6.99	0.17	995810.00
COM	59.90	6.96	0.02	940.00
LGC	20.25	6.86	0.09	1000.00
CCI	14.95	6.79	0.01	30.00
SMA	12.90	6.61	0.01	18000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	19.45	-6.94	-0.02	10
HOT	48.30	-6.94	-0.01	360
TCL	25.50	-6.93	-0.02	114220
SVT	6.60	-6.91	0.00	1010
VTB	18.45	-6.82	-0.01	1050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	49.50	1.85	0.75	3.22MLN
SHB	13.30	0.76	0.11	12.14MLN
CEO	16.00	3.90	0.06	1.66MLN
DHT	72.50	9.52	0.06	46778
NTP	57.60	1.95	0.04	14411

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	21.60	-1.37	-0.07	2.69MLN
VCS	116.80	-2.67	-0.07	134540
SJ1	18.00	-9.55	-0.02	1600
DNP	20.50	-3.76	-0.02	1500
MAS	73.00	-8.29	-0.02	1241

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

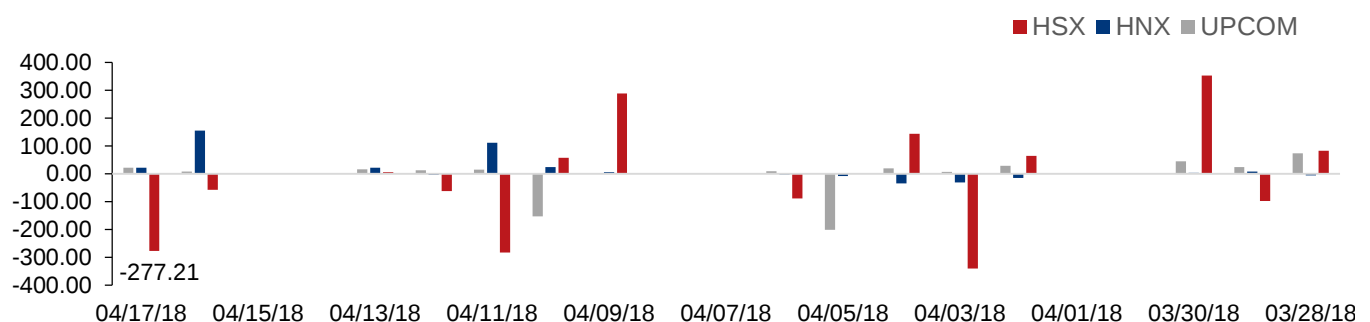
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BBS	11.00	10.00	0.00	4500
MST	3.30	10.00	0.01	772070
HGM	41.90	9.97	0.02	1200
SDG	28.40	9.65	0.01	200
DPC	14.80	9.63	0.00	700

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LM7	2.70	-10.00	0.00	600
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.3	531	26.9	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	31.6	2,762	11.4	1.8	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	15.8	669	23.6	1.4	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	35.1	749	46.9	2.4	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	49.5	1,953	25.3	3.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	37.4	4,735	7.9	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	23.4	824	28.3	2.0	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	20.1	1,599	12.6	1.5	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	59.7	5,540	10.8	2.8	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	36.3	3,040	11.9	2.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	14.1	2,797	5.0	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	38.0	5,435	7.0	2.1	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	62.0	5,532	11.2	2.9	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	67.0	2,527	26.5	4.6	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	21.6	1,792	12.1	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	34.5	1,955	17.6	2.2	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	151.2	20,436	7.4	1.6	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.8	164	35.4	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	133.1	18,611	7.2	2.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	181.5	6,727	27.0	6.7	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

